TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Khoa: Kỹ thuật Giao thông  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bộ môn: Động lực**

**CHƯƠNG TRÌNH HỌC PHẦN**

**1. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần : **Kỹ thuật an toàn và môi trường**

Mã học phần :MAE3724

Số tín chỉ : 3 TC

Học phần tiên quyết : không

Đào tạo trình độ : Đại học

Giảng dạy cho các ngành : Kỹ thuật tàu thủy, Công nghệ kỹ thuật ôtô, Công nghệ chế tạo máy, Khoa học hàng hải, Kỹ thuật Xây dựng …

Bộ môn quản lý : Động lực

Phân bổ thời gian trong học phần

- Nghe giảng lý thuyết : 25 tiết

- Làm bài tập trên lớp :

- Thảo luận : 10 tiết

- Thực hành, thực tập : 10 tiết

- Tự nghiên cứu : 90 tiết

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kỹ thuật vệ sinh – an toàn lao động, các yếu tố nguy hiểm, có hại phát sinh trong sản xuất công nghiệp, kỹ thuật an toàn phòng chống cháy nổ, kỹ thuật sơ cứu và thoát hiểm, các kiến thức về vấn đề ô nhiễm môi trường trong sản xuất; nhằm giúp cho người học biết ngăn ngừa, hạn chế tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp để bảo vệ sức khỏe cho người lao động, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

**3. Chủ đề và chuẩn đầu ra của học phần**

**3.1. Danh mục chủ đề của học phần**

1. Những vấn đề chung nhất về Khoa học kỹ thuật Bảo hộ Lao động
2. Kỹ thuật Vệ sinh lao động
3. Kỹ thuật An toàn lao động
4. Kỹ thuật phòng chống cháy nổ
5. Kỹ thuật sơ cứu và thoát hiểm
6. An toàn cho các ngành nghề đặc thù
7. Môi trường và ô nhiễm môi trường.
8. Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

**3.2. Chuẩn đầu ra của quá trình dạy - học từng chủ đề của học phần**

**Chủ đề 1 : Những vấn đề chung nhất về Khoa học kỹ thuật Bảo hộ Lao động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Các khái niệm cơ bản về bảo hộ lao động 2. Mục đích ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động 3. Những nội dung chủ yếu của khoa học bảo hộ lao động 4. Hệ thống luật pháp, chế độ chính sách bảo hộ lao động ở Việt Nam | 2  2  2  2 |
| **Thái độ**   1. Nhận thức về khoa học bảo hộ lao động động là cần thiết trong quá trình lao động nhằm đảm bảo an toàn cho người và máy móc thiết bị, đảm bảo sức khỏe của người lao động, phòng tránh bệnh nghề nghiệp, nâng cao năng suất cho người lao động. |  |
| **Kỹ năng**   1. Vận dụng các khái niệm về khoa học bảo hộ lao động động phục vụ cho việc tiếp thu kiến thức các vấn đề tiếp theo. 2. Vận dụng được 1 số quy định về nội dung an toàn vệ sinh lao đông trong bộ luật, các nghị định, chỉ thị và thông tư có liên quan đến công tác an toàn vệ sinh lao động. | 2  2 |

**Chủ đề 2 :** **Kỹ thuật vệ sinh lao động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Khái niệm và nội dung nghiên cứu của vệ sinh lao động 2. Bệnh nghề nghiệp, tác hại và biện pháp phòng tránh bệnh nghề nghiệp 3. Các nhân tố tác động đến điều kiện lao động | 2  2  2 |
| **Thái độ**   1. Vệ sinh lao động là một trong các yếu tố quan trong trong sản xuất nhằm bảo vệ an toàn và sức khỏe cho người lao động mà còn giúp tăng năng suất lao động 2. Công tác vệ sinh lao động tại các nhà máy sản xuất được quy định trong pháp lệnh bảo hộ lao động. |  |
| **Kỹ năng**   1. Đánh giá được tình trạng vệ sinh lao động cho môi trường làm việc 2. Đề xuất các biện pháp cần thiết để cải thiện môi trường làm việc. | 2  3 |

**Chủ đề 3 : Kỹ thuật An toàn lao động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Các yếu tố nguy hiểm gây mất an toàn trong sản xuất và biện pháp phòng ngừa 2. Kỹ thuật an toàn trong cơ khí 3. Kỹ thuật an toàn điện 4. Kỹ thuật an toàn đối với các thiết bị nâng chuyển 5. Kỹ thuật an toàn đối với các thiết bị chịu áp lực 6. Phòng chống nhiễm độc trong sản xuất | 2  2  2  2  2  2 |
| **Thái độ**   1. Các trang thiết bị và máy móc chuyên dùng được sử dụng rộng rãi trong sản xuất, việc thiếu kiến thức về an toàn khi dụng các thiết bị này sẽ gây nguy hiểm, mất an toàn cho người lao động và máy móc thiết bị 2. Công tác An toàn lao động tại các nhà máy sản xuất được quy định trong pháp lệnh bảo hộ lao động. |  |
| **Kỹ năng**   1. Đánh giá được các mối nguy hiểm, mất an toàn khi làm việc với các trang thiết bị, máy móc tại các xưởng sản xuất. 2. Lựa chọn được giải pháp an toàn và trang bị bảo hộ lao động cần thiết. | 2  2 |

**Chủ đề 4 :** **Kỹ thuật phòng chống cháy nổ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Những vấn đề cơ bản về cháy nổ 2. Phòng cháy trong công nghiệp 3. Chữa cháy và phương tiện chữa cháy | 1  2  2 |
| **Thái độ**   1. Phòng cháy và chữa cháy là vấn đề mang tính pháp lý nên cần phải được quan tâm đúng mức. 2. Thiếu hiểu biết khi xử lý cháy nổ có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, không dập tắt được đám cháy và gây hậu quả khó lường. |  |
| **Kỹ năng**   1. Kiểm tra, đánh giá công tác phòng cháy và chữa cháy tại các khu vực sản xuất theo quy định của Nhà nước 2. Sử dụng các trang bị và phương tiện chữa cháy phù hợp | 2  2 |

**Chủ đề 5 : Kỹ thuật sơ cứu và thoát hiểm.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Khái niệm chung 2. Tổ chức thoát hiểm, kỹ thuật thoát hiểm 3. Kỹ thuật sơ cứu khi gặp nạn | 1  2  2 |
| **Thái độ**   1. Việc nắm vững các kỹ thuật cơ bản để xử lý khi gặp nạn giúp người lao động tự tin, bảo vệ mạng sống của mình và đồng nghiệp. 2. Thiếu hiểu biết khi xử lý các tai nạn có thể gây ra những sự cố đáng tiếc. |  |
| **Kỹ năng**   1. Sử dụng các trang bị và phương tiện thoát hiểm và cứu sinh 2. Sơ cứu khi gặp nạn | 2  2 |

**Chủ đề 6 : An toàn cho các ngành nghề đặc thù**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Các yếu tố gây nguy hiểm trong quá trình sản xuất 2. Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động | 2  2 |
| **Thái độ**   1. Bất cứ ngành nghề nào cũng có các mối nguy hiểm trong quá trình sản xuất 2. Hiểu biết về mức độ nguy hiểm và sử dụng được các biện pháp phòng ngừa giúp người lao động làm việc tự tin, hiệu quả và năng suất cao. |  |
| **Kỹ năng**   1. Đánh giá được các tác nhân gây nguy hiểm trong quá trình làm việc 2. Lựa chọn được giải pháp an toàn và trang bị bảo hộ lao động cần thiết | 2  3 |

**Chủ đề 7 :** **Môi trường và ô nhiễm môi trường.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Tác động của môi trường đối với con người 2. Tác động của con người đến các thành phần của môi trường 3. Ô nhiễm môi trường | 2  2  2 |
| **Thái độ**   1. Môi trường có ý nghĩa lớn trong việc đảm bảo chất lượng cuộc sống. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường là nhiệm vụ và mối quan tâm chung của tất cả mọi người. 2. Các nhà máy, xí nghiệp và các cơ sở sản xuất là một trong những tác nhân lớn gây ô nhiễm môi trường hiện nay. |  |
| **Kỹ năng**   1. Kiểm tra, đánh giá được mức độ gây ô nhiễm của một số máy móc, thiết bị trong ngành. 2. Đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường các do máy móc, thiết bị cơ khí gây ra. | 2  3 |

**Chủ đề 8 :** **Phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** |
| **Kiến thức**   1. Khái niệm và nội dung phát triển bền vững 2. Các mục tiêu của phát triển bền vững 3. Chỉ tiêu lượng hóa phát triển bền vững | 1  2  2 |
| **Thái độ**   1. Phát triển bền vững là mục tiêu phấn đấu của xã hội loài người hiện nay. 2. Xây dựng xã hội phát triển và bảo vệ môi trường là hai nhiệm vụ đồng hành và không thể tách rời trong thời điểm hiện nay. |  |
| **Kỹ năng**   1. Áp dụng các hướng nghiên cứu về phát triển bền vững cho thực tế sản xuất | 2 |

**4. Phân bổ thời gian chi tiết**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Phân bổ số tiết cho hình thức dạy - học** | | | | | **Tổng** |
| **Lên lớp** | | | **Thực hành, thực tập** | **Tự nghiên cứu** |
| **Lý thuyết** | **Bài tập** | **Thảo luận** |
| 1 | 2 |  | 0 | 10 | 6 | 9 |
| 2 | 6 | 2 | 20 | 30 |
| 3 | 8 | 3 | 26 | 39 |
| 4 | 3 | 1 | 10 | 15 |
| 5 | 1 | 1 | 6 | 9 |
| 6 | 2 | 1 | 8 | 12 |
| 7 | 2 | 1 | 8 | 12 |
| 8 | 1 | 1 | 6 | 9 |

**5. Tài liệu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Tên tài liệu** | **Năm**  **xuất bản** | **Nhà**  **xuất bản** | **Địa chỉ khai thác tài liệu** |
|
| 1 | Hồ Đức Tuấn | Bài giảng kỹ thuật An toàn và Môi trường | 2006 | Lưu hành nội bộ | Thư viện |
| 2 | Nguyễn Thanh Việt | Giáo trình an toàn lao động | 2010 |  | Thư viện |
| 3 | PGS.TS Nguyễn Thế Đạt | Giáo trình an toàn lao động | 2010 | Giáo dục | Thư viện |
| 4 | PGS.TS Phan Đình Đệ và một số tác giả | Khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động | 2001 | Hà Nội | Thư viện |
| 5 | Võ Văn Nhuận | Giáo trình an toàn lao động | 2001 | ĐH Sư phạm Kỹ thuật | Thư viện |
| 6 | Trần Quang Khánh | Bảo hộ lao động và Kỹ thuật An toàn điên | 2008 | KHKT | Thư viện |
| 7 | Bùi Thị Nga | Cơ sở khoa học môi trường | 2008 | ĐH Cần Thơ | <http://thuvien247.net/> |
| 8 | Nguyễn Đình Hòe | Môi trường và Phát triển bền vững |  | NXBGD | winni.googlecode.com/.../ |

**6. Đánh giá kết quả học tập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các chỉ tiêu đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** |
| 1 | Tham gia học trên lớp: *lên lớp đầy đủ*, *chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận…* | *Quan sát, điểm danh* | 50 |
| 2 | Tự nghiên cứu: *hoàn thành nhiệm vụ giảng viên giao trong tuần, bài tập nhóm/tháng/học kỳ…* | *Chấm báo cáo, bài tập…* |
| 3 | Hoạt động nhóm | *Trình bày báo cáo* |
| 4 | Kiểm tra giữa kỳ | *Viết, vấn đáp* |
| 5 | Kiểm tra đánh giá cuối kỳ | *Viết, vấn đáp, thực hành* |
| 6 | Thi kết thúc học phần | *Viết, vấn đáp, tiểu luận…* | 50 |

**TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN**

**PGS TS Trần Gia Thái Ths Phùng Minh Lộc**